

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DSPT

Ngày: 15/9/2022

*V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.*

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 104/2022/TLPT-DS ngày 15/8/2022 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2022/QĐ-PT, ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết Kh, sinh năm 1953; Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (đều có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (đều có mặt).

Người có kháng cáo: Ông Nguyễn Viết Kh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: *Nguyên đơn là Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M trình bày: Vợ chồng ông bà và vợ chồng Ông N, Bà Th là anh em ruột. Vợ chồng ông bà có cho Ông N, Bà Th vay vàng, vay tiền nhiều lần. Mỗi lần vay đều có giấy tờ vay đầy đủ. Cụ thể từng khoản vay như sau:*

Khoản 1: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/1993 đến tháng 9/1993, cho vay 05 chỉ vàng. Ông N là người viết giấy biên nhận, có chữ ký đầy đủ. Thời hạn trả là tháng 8/1994 âm lịch. Hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy nhưng thực tế có thỏa thuận miệng lãi suất là 1 chỉ gốc thì thành 1,2 chỉ gốc và lãi/năm (lãi suất được

hiệu là 0,2 chỉ/năm).

Từ khi vay đến nay Ông N, Bà Th chưa trả vợ chồng ông bà gốc và lãi vàng như đã hẹn. Tại phiên tòa ông, bà đề nghị tòa án buộc Ông N, Bà Th phải trả nợ số vàng trên như sau: gốc là 5 chỉ vàng, giá vàng là 5.600.000đ/chỉ = 5 chỉ x 5.600.000đ = 28.000.000đ, lãi suất là 3,84 chỉ = 3,84 x 5.600.000đ = 21.504.000đ.

Khoản 2: Ngày 15/7/1994, cho vay 07 chỉ vàng. Ông N là người viết giấy biên nhận đầy đủ. Trong giấy biên nhận thể hiện thời hạn trả là ngày 15/7/1995, lãi suất là 120.000đ/tháng. Thời hạn thanh toán lãi là 06 tháng/1 lần. Đến thời hạn trả nhưng Ông N, Bà Th không trả được nợ. Tại phiên tòa ông, bà yêu cầu Ông N, Bà Th phải trả khoản vay trên như sau: Gốc 07 chỉ x 5.600.000đ/chỉ = 39.200.000đ; lãi là: 5,096 chỉ x 5.600.000đ/chỉ = 28.537.600đ. Ông bà xuất trình chứng cứ là 01 giấy biên nhận ngày 15/7/1994 có sự gạch xóa. Ông bà giải thích có sự gạch xóa là vì ngày 01/01/1998, Ông N, Bà Th đến nhà bảo thanh toán nên ông bà gạch xóa đi, Ông Kh là người trực tiếp gạch xóa giấy biên nhận. Tuy nhiên, Ông N, Bà Th không thanh toán được tiền hay vàng trả nên ông bà bắt Ông N, Bà Th phải viết lại số vàng 07 chỉ này thành 01 giấy vay nợ tiền với số tiền là 19.400.000đ. Tại phiên tòa ông bà cùng xác định thực tế không có khoản vay nào là 19.400.000đ. Ông bà không yêu cầu đòi số tiền 19.400.000đ. mà đề nghị tòa án buộc Ông N, Bà Th phải trả số vàng là 07 chỉ theo giấy biên nhận ngày 15/7/1994.

Khoản 3: năm 1996, vợ chồng ông bà cho Ông N, Bà Th vay số tiền 09 triệu đồng. Ông N, Bà Th viết giấy biên nhận đầy đủ. Trong giấy biên nhận thể hiện thời hạn trả là ngày 20/12/1996 âm lịch, lãi suất thỏa thuận là 2,5%/ tháng. Ông bà chỉ cho Ông N vay 2,5 tháng. Quá thời hạn trên, Ông N, Bà Th không trả tiền nên ông bà đã thỏa thuận với Ông N, Bà Th chuyển số tiền đó thành vàng, tính 09 triệu đồng thành 21 chỉ vàng thời điểm đó. Tuy nhiên chỉ thỏa thuận miệng nên không có văn bản giấy tờ nào chứng minh việc thỏa thuận tính tiền thành vàng để giao nộp cho Tòa án. Tại phiên tòa ông, bà yêu cầu Ông N, Bà Th phải trả số tiền như sau: 9 triệu đồng thành 21 chỉ vàng x 5.600.000đ = 117.600.000đ; lãi là 9,24 chỉ x 5.600.000đ/chỉ = 51.744.000đ. Ông bà giao nộp cho Tòa án giấy vay nợ ghi ngày 01/01/1998 với số tiền là 19.400.000đ. Ông bà xác định thực tế không có khoản vay nào là 19.400.000đ. Tuy nhiên, ông bà không yêu cầu đòi số tiền 19.400.000đ mà đề nghị Tòa án buộc Ông N, Bà Th phải trả 21 chỉ vàng.

Ngoài 03 khoản vay này, ông bà khẳng định không còn khoản vay nào khác và không yêu cầu bị đơn trả khoản vay nào ngoài 3 khoản vay nêu trên.

Trong số những tài liệu chứng cứ giao nộp, ông bà có nộp 01 chứng cứ có nội dung “22/7/1997, Nguyễn Thị Thắm có trả anh Khang 4 chỉ vàng: tiền 47.000đ/ chỉ” đây là số vàng Ông Kh xác định thu phường vàng được sau đó đưa cho Bà Th, Bà Th nhận và sau đó đưa lại cho ông nên Ông Kh yêu cầu viết giấy đầy đủ. Số vàng

này không phải Bà Th trả nợ cho bất kỳ khoản vay nào của vợ chồng ông bà.

Phía Ông N, Bà Th xuất trình giấy biên nhận ghi ngày 29/4/2012 (tức 09/4/2012 âm lịch) trả vợ ông bà 18 triệu đồng có dòng chữ viết “chi mui đã nhận 18 triệu” ông bà xác định không phải chữ viết của bà Mui. Dòng chữ viết trong giấy là do nhà Ông N giả mạo. Ông bà không nhận được đồng tiền nào của Ông N, Bà Th trả từ khi vay đến nay. Tại phiên tòa ngày 31/5/2022, ông bà đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ viết trong giấy biên nhận ngày 29/4/2012 do Ông N, Bà Th giao nộp.

*Bị đơn trình bày:* Vợ chồng ông bà và vợ chồng Ông Kh, bà Mui là anh chị em ruột. Ông bà buôn bán đồ gỗ nên cần nhiều tiền vốn. Ông bà đã đến hỏi vay của Ông Kh, bà Mui nhiều lần. Mỗi lần vay ông bà đều viết giấy vay nợ đầy đủ và hẹn thời hạn trả, lãi suất trên giấy. Giấy biên nhận đều do ông bà tự viết, tự ký, có giấy vay thì bà ký, có giấy vay thì ông ký nhưng đều xác định là vợ chồng vay để kinh doanh nên cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Ông Kh, bà Mui xuất trình những chứng cứ gồm 4 giấy biên nhận có chữ viết, chữ ký của ông bà, ông bà xác nhận là đúng.

Những khoản vay theo lời trình bày của Ông Kh, bà Mui, ông bà xác định như sau:

Khoản 1: Đối với 05 chỉ vàng vay khoảng từ tháng 7 đến tháng 9/1993, ông bà xác định là đúng. Hai bên thỏa thuận đến tháng 8/1994 trả đủ cho ông bà Khang, Mui. Ông bà đã trả khoản nợ vàng này đầy đủ. Tuy nhiên, khi trả không có giấy biên nhận đã trả, không có người làm chứng vì xác định là anh em trong nhà nên trả không viết giấy tờ, văn bản nào.

Khoản 2: ngày 15/7/1994, vay 07 chỉ vàng, thỏa thuận lãi suất đầy đủ trong giấy, hẹn thời hạn trả là 15/7/1995. Đến ngày 22/7/1997, khi lấy tiền phường ông bà đã đưa trả Ông Kh, bà Mui 04 chỉ vàng (giấy biên nhận trả 4 chỉ do Bà Th viết). Sau đó một thời gian ông bà thu xếp thêm 03 chỉ vàng nữa mang xuống trả cho Ông Kh, bà Mui nên Ông Kh, bà Mui mới gạch xóa giấy vay nợ. Việc ông bà trả vàng thể hiện trên giấy do Ông Kh giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, khi trả 03 chỉ tiếp theo không có giấy biên nhận đã trả, không có người làm chứng vì xác định là anh em trong nhà nên trả không viết giấy tờ, văn bản nào.

Khoản 3: Đối với số tiền 09 triệu đồng, ông bà xác định có vay. Ông Kh, bà Mui tính số tiền đó thành 19.400.000đ nên ông bà viết giấy xác nhận nợ là 19.400.000đ. Đến ngày 29/4/2012 vợ chồng ông bà đã trả tiền cho Ông Kh, bà Mui, tổng số tiền trả là 18 triệu đồng. Khi trả có lập biên bản và đưa tiền cho bà Mui, bà Mui đã nhận tiền và viết vào giấy biên nhận dòng chữ “chi mui đã nhận 18 triệu”. Khi lập biên bản trả tiền có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1984 (là cháu bà Mui, Bà Th); địa chỉ: Số 8, ngõ 110, đường Trần Duy Hưng,

phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội và chị Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1983(là con Bà Th, cháu bà Mui ); địa chỉ: Thôn Tào Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Số tiền còn lại là 1.400.000đ ông bà đã trả dần và trả thành 12 triệu đồng. Tuy nhiên, khi ông bà trả số tiền 12.000.000đ không có biên bản, không có người làm chứng.

Nay Ông Kh, bà Mui khởi kiện yêu cầu ông bà trả 03 khoản vay trên ông bà không đồng ý. Ông bà xác định đã trả đầy đủ và hiện không còn nợ Ông Kh, bà Mui khoản tiền nào.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đã căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 147, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Điều 168, 167, 468, 469, 470, 471, 474, 475 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh và Bà Nguyễn Thị M số vàng đã vay là 05 chỉ, tương ứng số tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng). Không chấp nhận lãi suất của 05 chỉ vàng là 3,84 chỉ tương đương số tiền 21.504.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M số vàng 07 chỉ tương đương số tiền 39.200.000đ, lãi suất của 07 chỉ vàng là 5,096 chỉ tương đương số tiền 28.537.600đ theo giấy biên nhận ngày 15/7/1994;

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M số vàng 21 chỉ gốc tương đương 117.600.000đ, lãi suất 21 chỉ vàng là 9,24 chỉ tương đương 51.744.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2022 ông Nguyễn Viết Khang có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M trình bày, tranh luận giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Bị đơn trình bày, tranh luận, đồng thời, tự nguyện trả cho vợ chồng Ông Kh, bà Mui số tiền là 1.400.000đ. Các bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Kh. Sửa Bản án dân sự số 21/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của TAND huyện Gia Bình, áp dụng Điều 176, Điều 264 BLDS năm 1995, tuyên xử:

- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả nguyên đơn 05 chỉ vàng tương ứng số tiền 28.000.000đ. Không chấp nhận phần lãi suất.

- + Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số vàng 07 chỉ và lãi suất;

- + Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 21 chỉ vàng và lãi suất. Ghi nhận tự nguyện của bị đơn về việc trả nguyên đơn số tiền 1.400.000đ.

- Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Viết Khang được nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Xem xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Viết Khang thì thấy:

Thứ nhất, từ tháng 7 đến tháng 9/1993, Ông Kh và bà Mui có cho Ông N và bà Thắm vay 05 chỉ vàng. Ông N là người viết giấy biên nhận, có chữ ký xác nhận của Ông N. Thời hạn trả là tháng 8/1994 âm lịch. Nguyên đơn xác định kể từ thời điểm vay đến nay bị đơn không trả được khoản vay này. Bị đơn xác định đã trả đầy đủ khoản vay trên nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, không có người làm chứng việc trả nợ. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao đủ 05 chỉ vàng cho bên vay, bên vay thừa nhận có nhận 05 chỉ vàng; tuy nhiên, đến nay bên vay không chứng minh được việc mình đã trả đủ số vàng vay theo giấy vay đã ký kết. Việc bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả lại 05 chỉ vàng là có căn cứ. Do các bên cho nhau vay vàng nên có nghĩa vụ trả bằng vàng, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều đồng ý thống nhất giá vàng là 5.600.000đ/01 chỉ. Do vậy, quyết định của bản án đã buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn 05 chỉ vàng tương đương số tiền là 5.600.000đ x 05 chỉ vàng = 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) là phù hợp.

Ngoài số vàng vay thì nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả một khoản lãi suất là 3,84 chỉ vàng tương đương số tiền 21.504.000đ. Theo quy định của pháp luật

thì việc các bên cho nhau vay vàng không bị cấm, nhưng theo Điều 22 Pháp lệnh số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 của Văn phòng Quốc hội quy định về Ngoại hối đã quy định “Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”. Như vậy, khi các đương sự trong vụ án tham gia quan hệ hợp đồng vay tài sản thì phải sử dụng tiền Việt Nam đồng, nếu sử dụng vàng là tài sản cho vay thì bên cho vay chỉ có quyền khởi kiện đề đòi lại số vàng đó, giữa các bên không phát sinh nghĩa vụ chịu lãi suất của khoản vay bằng vàng. Việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 3,84 chỉ vàng tương đương số tiền 21.504.000đ lãi suất là có căn cứ. Do đó, Ông Kh kháng cáo về nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, theo giấy biên nhận ngày 15/7/1994, Ông Kh, bà Mui cho Ông N, bà Thắm vay 07 chỉ vàng; Ông N là người viết giấy biên nhận; thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/7/1995; số vàng theo giấy biên nhận là mỗi tháng trả 120.000đ; ghi chú: 6 tháng thanh toán lãi 1 lần và không thỏa thuận lãi suất cụ thể; trong biên nhận có chữ ký của Ông N, bà Thắm. Xem xét về hình thức của giấy biên nhận thì thấy giấy biên nhận này đã bị gạch xóa và chính Ông Kh thừa nhận tự mình gạch xóa. Theo Ông Kh thì việc gạch xóa giấy biên nhận này là do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận chuyển 07 chỉ vàng đã vay thành số tiền 19.400.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền 19.400.000đ mà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 7 chỉ vàng. Trong khi bị đơn xác định đã trả đủ 7 chỉ vàng đã vay nên mới được Ông Kh gạch xóa giấy biên nhận. Theo quy định của pháp luật tài liệu đã bị gạch xóa không phải là chứng cứ khách quan nên không thể sử dụng để xem xét giải quyết trong vụ án, ngoài giấy biên nhận bị gạch xóa thì Ông Kh không xuất trình được văn bản tài liệu nào thể hiện việc Ông Kh, bà Mui có cho Ông N, bà Thắm vay 07 chỉ vàng nào khác; trong khi phía bị đơn trình bày đã thanh toán trả 07 chỉ vàng cho Ông Kh, bà Mui. Việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Kh, bà Mui về việc buộc Ông N, bà Thắm phải trả 07 chỉ vàng theo giấy biên nhận ngày 15/7/1994 là có căn cứ. Do không có căn cứ xem xét yêu cầu trả 07 chỉ vàng nên không có căn cứ xem xét nghĩa vụ trả lãi suất của khoản vay này. Việc Ông Kh kháng cáo nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Thứ ba, theo giấy biên nhận khoản vay 9.000.000đ, Ông N là người viết giấy biên nhận với nội dung: Nguyễn Văn Nôi có vay của anh Khang, chị Mui số tiền 9 triệu đồng; thỏa thuận lãi suất là 2,5%; thời hạn vay là đến ngày 20/12/1996 âm lịch; thỏa thuận của hai vợ chồng; có chữ ký xác nhận của Ông N, bà Thắm. Theo nguyên

đơn xác định số tiền 9.000.000đ đã được nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận tính thành 21 chỉ vàng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 21 chỉ vàng gốc và là 9,24 chỉ vàng (tương đương 51.744.000đ), không yêu cầu bị đơn trả số tiền 09 triệu đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc thỏa thuận 09 triệu đồng tính thành 21 chỉ vàng, phía bị đơn cũng không xác nhận có việc thỏa thuận như Ông Kh trình bày. Như vậy, việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ theo giấy vay 09 triệu đồng tương đương với 21 chỉ vàng và 9,24 chỉ vàng là có căn cứ.

Mặt khác, theo chứng cứ mà phía bị đơn cung cấp thì ngày 29/4/2012 (tức 09/4/2012 âm lịch), Bà Nguyễn Thị Th đã lập một giấy biên nhận với nội dung: Có vay của cô Mui, bác Khang số tiền là 9.000.000đ đến hôm nay tổng số tiền đã trả cho cô Mui, bác Khang là 18.000.000đ; giấy biên nhận có chữ ký mục người trả tiền là Bà Th và phần ghi tại mục người nhận tiền là “chi mui đã nhận 18 triệu”. Do Bà Th cho rằng mình không nhận tiền và không viết nội dung nhận tiền theo như giấy biên nhận mà bị đơn cung cấp nên bà Mui đề nghị giám định. Tại kết luận giám định số 992/KL-KTHS ngày 21/6/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: Chữ viết có nội dung “chi mui đã nhận 18 triệu” tại mục người nhận tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của bà Mui trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra”. Như vậy, việc bà Mui nhận tiền của chị Thắm là có, theo nội dung biên nhận giữa các bên ký kết thì bị đơn đã thanh toán xong cho Ông Kh, bà Mui số tiền vay 9.000.000đ, việc Ông Kh, bà Mui kháng cáo đề nghị xem xét giải quyết khoản nợ gốc và lãi theo giấy vay tiền 9.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía bị đơn trình bày sau khi trả nợ 18 triệu đồng, nhưng do không có chứng cứ chứng minh nên phía bị đơn tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền 1.400.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Việc bản án sơ thẩm lập luận và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Kh, bà Mui đối với khoản nợ gốc và lãi theo giấy vay tiền 9.000.000đ là đúng, nhưng tại quyết định của bản án sơ thẩm lại chỉ tuyên xử “không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M số vàng 21 chỉ gốc tương đương 117.600.000đ, lãi suất 21 chỉ vàng là 9,24 chỉ tương đương 51.744.000đ” là chưa triệt để theo nội dung yêu cầu của đương sự. Bởi lẽ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giấy vay 9.000.000đ, việc bị đơn cho rằng nghĩa vụ trả nợ của giấy vay 9.000.000đ tương đương với 21 chỉ vàng và buộc bị đơn thanh toán 21 chỉ vàng là ý kiến trình bày của nguyên đơn và yêu cầu này cũng xuất phát từ căn cứ là giấy vay 9.000.000đ. Như vậy, tại phần quyết định của bản án phải tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền theo giấy vay 9.000.000đ

thành 21 chỉ vàng gốc tương đương 117.600.000đ, lãi suất 21 chỉ vàng là 9,24 chỉ tương đương 51.744.000đ mới phù hợp và đúng với nội dung yêu cầu của đương sự.

Ngoài ra, theo nhận định tại phần tố tụng của bản án sơ thẩm xác định hợp đồng vay tài sản của các bên đã hết thời hiệu khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là “Kiện đòi tài sản”. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm vẫn áp dụng Điều 468, 469, 470, 471, 474, 475 Bộ luật dân sự năm 1995 mà không áp dụng điều luật liên quan đến quyền đòi lại tài sản là không phù hợp. Mặc dù việc áp dụng điều luật của bản án sơ thẩm không chính xác nhưng tại phần nhận định của bản án đã xác định đúng quan hệ khởi kiện, không làm thay đổi bản chất của vụ việc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét sửa nội dung này và nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

phần tuyên xử của bản án sơ thẩm có nội dung chưa cụ thể và chưa chính xác nên cần sửa bản án sơ thẩm đối với những nội dung đó.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, việc bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Viết Kh và Bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Ông Kh kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Ông Kh, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Ông N, Bà Th tự nguyện trả lại 1,4 triệu đồng cho vợ chồng Ông Kh, bà Mui, xét thấy, đây là sự tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận, đồng thời, phần quyết định của bản án sơ thẩm có nội dung chưa cụ thể và chưa chính xác nên, do đó, cần sửa bản án sơ thẩm xử.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M và Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì cụ Hậu thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M và Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th.

Ông Nguyễn Viết Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M phải chịu chi phí giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Các Điều 167, 168, 263, 264 Bộ luật dân sự năm 1995 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường



vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Kh, xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Buộc Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh và Bà Nguyễn Thị M số vàng đã vay là 05 chỉ, tương ứng số tiền là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Nguyễn Văn N và Bà Nguyễn Thị Th về việc trả cho Ông Nguyễn Viết Kh và Bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)

Không chấp nhận lãi suất của 05 chỉ vàng là 3,84 chỉ tương đương số tiền 21.504.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M số vàng 07 chỉ tương đương số tiền 39.200.000đ, lãi suất của 07 chỉ vàng là 5,096 chỉ tương đương số tiền 28.537.600đ theo giấy biên nhận ngày 15/7/1994;

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th phải trả Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M buộc bị đơn trả số tiền theo giấy vay 9.000.000đ thành 21 chỉ vàng gốc tương đương 117.600.000đ, lãi suất 21 chỉ vàng là 9,24 chỉ tương đương 51.744.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Án phí, chi phí tố tụng:**

2.1. Án phí: Miễn toàn bộ án phí cho Ông Nguyễn Viết Kh, Bà Nguyễn Thị M và Ông Nguyễn Văn N, Bà Nguyễn Thị Th.

Ông Nguyễn Viết Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ông Kh 300.000đ tiền là tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số 0007014 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Gia Bình.

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 4.000.000đ chi phí giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh. (xác nhận bà Mui đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Bình**